**PHỤ LỤC VII**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 37/2024/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về cho vay đặc biệt)*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tên tổ chức tín dụng:...******Số văn bản: ...*** |  |

**DANH MỤC TÀI SẢN BẢO ĐẢM CHO KHOẢN VAY ĐẶC BIỆT**

*Ngày... tháng... năm...*

**I. PHẦN I**(Áp dụng đối với trường hợp tổ chức tín dụng sử dụng tài sản bảo đảm quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 37/2024/TT-NHNN)

**1. Giấy tờ có giá (GTCG) bằng đồng Việt Nam quy định tại****điểm a khoản 1 Điều 13 Thông tư số 37/2024/TT-NHNN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại GTCG** | **Mã GTCG** | **Tổ chức phát hành** | **Tổ chức lưu ký** | **Phương thức thanh toán gốc, lãi** | **Lãi suất tại thời điểm định giá của GTCG** | **Ngày phát hành** | **Ngày đến hạn** | **Thời hạn còn lại của GTCG** (ngày) | **Mệnh giá GTCG** (đồng) | **Giá trị của GTCG (GT) tại ngày...** (đồng) | **Giá trị quy đổi của TSBĐ là GTCG (TS)** (đồng) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13)=(12)/100% |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** |  | **...** | **…** |

*Ghi chú:* Lãi suất tái cấp vốn do Ngân hàng Nhà nước công bố là ...%/năm để xác định giá trị của GTCG (cột 12) theo quy định tại Phụ lục IV Thông tư số 37/2024/TT-NHNN.

Tổ chức tín dụng cam kết và chịu trách nhiệm về việc các GTCG nêu trên đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 37/2024/TT-NHNN; tổng giá trị quy đổi của các tài sản bảo đảm là GTCG đủ điều kiện tại Danh mục này không thấp hơn số tiền đề nghị gia hạn thời hạn vay đặc biệt.

**2. Giấy tờ có giá (GTCG) bằng đồng Việt Nam quy định tại****điểm b, c khoản 1 Điều 13 Thông tư số 37/2024/TT-NHNN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã GTCG** | **Tổ chức phát hành** | **Tổ chức lưu ký** | **Ngày phát hành** | **Ngày đến hạn** | **Thời hạn còn lại của GTCG** (ngày) | **Mệnh giá GTCG** (đồng) | **Giá trị TSBĐ của GTCG** (đồng) | **Giá trị ghi sổ của GTCG tại ngày ...** (đồng) | **Dự phòng rủi ro của GTCG tại ngày ...** (đồng) | **Giá trị của GTCG (GT) tại ngày ...** (đồng) | **Giá trị quy đổi của TSBĐ là GTCG (TS)** (đồng) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) = (10) - (11) | (13)=(12)/100% |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | **...** | **…** | **...** |  |  |  |

Các GTCG quy định tại điểm c khoản 1 Điều 13 Thông tư số 37/2024/TT-NHNN đang được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Tổ chức tín dụng cam kết và chịu trách nhiệm về việc các GTCG nêu trên đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 14 Thông tư số 37/2024/TT-NHNN; tổng giá trị quy đổi của các tài sản bảo đảm là GTCG đủ điều kiện tại Danh mục này không thấp hơn số tiền đề nghị gia hạn thời hạn vay đặc biệt.

**II. PHẦN II** (Áp dụng đối với trường hợp tổ chức tín dụng sử dụng tài sản bảo đảm quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 37/2024/TT-NHNN)

**1. Quyền đòi nợ theo quy định tại****điểm a khoản 2 Điều 13 Thông tư số 37/2024/TT-NHNN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Khoản cấp tín dụng của TCTD đối với khách hàng (đang được bảo đảm bằng tài sản)** | **TSBĐ cho khoản vay đặc biệt** |
| **Tên chi nhánh của TCTD** | **Tên khách hàng** | **Số hiệu hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng** | **Nhóm nợ** | **Ngày giải ngân** | **Ngày đến hận** | **Giá trị của quyền đòi nợ (GT) tại ngày ...** (đồng) | **Giá trị quy đổi của TSBĐ (TS)** (đồng) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) = (8)/100% |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | **...** | **…** |

**2. Khoản lãi phải thu theo quy định tại****điểm b khoản 2 Điều 13 Thông tư số 37/2024/TT-NHNN**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Khoản lãi phải thu từ khoản cấp tín dụng (đang được bảo đảm bằng tài sản) của TCTD đối với khách hàng** | **TSBĐ cho khoản vay đặc biệt** |
| **Tên chi nhánh của TCTD** | **Tên khách hàng** | **Số hiệu hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng** | **Ngày đến hạn của kỳ trả lãi** | **Giá trị của quyền tài sản (GT) tại ngày ...** (đồng) | **Giá trị quy đổi của TSBĐ (TS)** (đồng) |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) = (6)/100% |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |
| **Tổng** | **...** | **…** |

- Đối với trường hợp tổ chức tín dụng đã có chủ trương cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã có phương án cơ cấu lại trình cấp có thẩm quyền, tổ chức tín dụng cam kết và chịu trách nhiệm về việc các khoản cấp tín dụng nêu trên đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 37/2024/TT-NHNN; tổng giá trị quy đổi của các tài sản bảo đảm đủ điều kiện tại Danh mục này không thấp hơn số tiền đề nghị gia hạn thời hạn vay đặc biệt, tổ chức tín dụng tự chịu trách nhiệm về việc tuân thủ quy định của pháp luật về hoạt động cấp tín dụng đối với các hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng nêu trên.

- Đối với các trường hợp khác, tổ chức tín dụng cam kết và chịu trách nhiệm về việc tổ chức tín dụng đã sử dụng hết tài sản bảo đảm quy định tại khoản 1 Điều 13 Thông tư số 37/2024/TT-NHNN tại thời điểm đề nghị gia hạn thời hạn vay đặc biệt; các khoản cấp tín dụng nêu trên đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 37/2024/TT-NHNN; tổng giá trị quy đổi của các tài sản bảo đảm đủ điều kiện tại Danh mục này không thấp hơn số tiền đề nghị gia hạn thời hạn vay đặc biệt; tổ chức tín dụng tự chịu trách nhiệm về việc tuân thủ quy định của pháp luật về hoạt động cấp tín dụng đối với các hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng nêu trên.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *……., ngày ...tháng…năm ...* |
| ***Xác nhận củaBan kiểm soát đặc biệt*** | ***Lập biểu*** | ***Kiểm soát*** | ***Người đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng****(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Hướng dẫn lập biểu:**

- Phần I: Cột (12) Mục 1, Cột (12) Mục 2: Giá trị của giấy tờ có giá (GT) tại ngày chốt số liệu được xác định theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 37/2024/TT-NHNN.

- Phần II: Cột (8) Mục 1, Cột (6) Mục 2: Giá trị của quyền đòi nợ, quyền tài sản (GT) tại ngày chốt số liệu được xác định theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 37/2024/TT-NHNN.

- Ban kiểm soát đặc biệt xác nhận thông tin, số liệu tại Phụ lục (một phần hoặc toàn bộ) trên cơ sở báo cáo của tổ chức tín dụng và theo phạm vi thông tin, số liệu mà Ban kiểm soát đặc biệt thu thập được.